

Số: 127 /2026/QĐ-UBND

An Giang, ngày 21 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Xác định phạm vi vành đai biên giới và xác lập vùng cấm trong khu vực biên giới đất liền tỉnh An Giang

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được
sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Biên giới quốc gia số 06/2003/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi
Luật số 66/2020/QH14;*

*Căn cứ Luật Biên phòng Việt Nam số 66/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung
bởi Luật số 14/2026/QH16;*

*Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số
điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm
pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2014/NĐ-CP của Chính phủ về Quy chế khu vực biên
giới đất liền nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được sửa đổi, bổ sung bởi
Nghị định số 299/2025/NĐ-CP;*

*Căn cứ Thông tư số 43/2015/TT-BQP của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng hướng
dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 34/2014/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm
2014 của Chính phủ về Quy chế khu vực biên giới đất liền nước Cộng hòa xã hội
chủ nghĩa Việt Nam được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 112/2025/TT-BQP;*

*Căn cứ Nghị quyết số 51/2026/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh An
Giang về xác định phạm vi vành đai biên giới và xác lập vùng cấm trong khu vực
biên giới đất liền tỉnh An Giang;*

*Theo đề nghị của Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh tại Tờ
trình số 4260/TTr-BCHBP ngày 15 tháng 10 năm 2026;*

*Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định xác định phạm vi vành đai biên giới
và xác lập vùng cấm trong khu vực biên giới đất liền tỉnh An Giang.*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này xác định phạm vi vành đai biên giới và xác lập vùng cấm trong
khu vực biên giới đất liền tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 2 Điều 9 của Nghị
định số 34/2014/NĐ-CP về Quy chế khu vực biên giới đất liền nước Cộng hòa xã hội
chủ nghĩa Việt Nam và điểm a khoản 1 Điều 3, khoản 1 Điều 4 của Thông tư số
43/2015/TT-BQP hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 34/2014/NĐ-CP

ngày 29 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ về Quy chế khu vực biên giới đất liền nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan, tổ chức, cá nhân Việt Nam và nước ngoài hoạt động ở phạm vi vành đai biên giới và vùng cấm trong khu vực biên giới đất liền tỉnh An Giang.

Điều 2. Xác định phạm vi vành đai biên giới và vị trí cấm biển báo vành đai biên giới

Vành đai biên giới là phần lãnh thổ từ đường biên giới quốc gia trở vào, nơi hẹp nhất cách đường biên giới là 106m (ấp Bình Di, xã Khánh Bình) và nơi rộng nhất cách đường biên giới là 955m (ấp Vĩnh Thuận, xã Ba Chúc), có 111 vị trí cấm biển báo vành đai biên giới, các vị trí cấm biển báo được xác định theo hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trực trung ương, múi chiều 6 độ như sau:

1. Đối với khu vực xã Vĩnh Xương

Đoạn biên giới từ mốc 240 + 1116m (tọa độ 1206314 520299, tiếp giáp với địa giới hành chính xã Thường Phước, tỉnh Đồng Tháp) đến mốc 241 + 5406m (tọa độ 1207208 514322, tiếp giáp với địa giới hành chính xã Phú Hữu) dài khoảng 6,202km; xác định phạm vi vành đai biên giới từ 247m đến 802m, tính từ đường biên giới trở vào, trừ khu vực cửa khẩu quốc tế Vĩnh Xương, có 07 vị trí biển báo vành đai biên giới.

2. Đối với khu vực xã Phú Hữu

Đoạn biên giới từ mốc 241 + 5406m (tọa độ 1207208 514322, tiếp giáp với địa giới hành chính xã Vĩnh Xương) đến mốc 241 + 9205m (tọa độ 1207496 510881, tiếp giáp với địa giới hành chính xã Nhơn Hội) dài khoảng 3,799km; xác định phạm vi vành đai biên giới từ 318m đến 830m tính từ đường biên giới trở vào, có 03 vị trí biển báo vành đai biên giới.

3. Đối với khu vực xã Nhơn Hội

Đoạn biên giới từ mốc 241 + 9205m (tọa độ 1207496 510881, tiếp giáp với địa giới hành chính xã Phú Hữu) đến mốc 241 + 9870m (tọa độ 1208063 511233, tiếp giáp với địa giới hành chính xã Khánh Bình) dài khoảng 0,665km. Đoạn biên giới từ mốc 246/3 + 5416m (tọa độ 1207015 505572, tiếp giáp với địa giới hành chính xã Khánh Bình) đến mốc 254/2 + 130m (tọa độ 1198876 504794, tiếp giáp với địa giới hành chính xã An Phú) dài khoảng 6,427km; xác định phạm vi vành đai biên giới từ 233m đến 756m tính từ đường biên giới trở vào, trừ khu vực cửa khẩu Bắc Đai, có 07 vị trí biển báo vành đai biên giới.

4. Đối với khu vực xã Khánh Bình

Đoạn biên giới từ mốc 241 + 9870m (tọa độ 1208063 511233, tiếp giáp với địa giới hành chính xã Nhơn Hội) đến mốc 246/3 + 5416m (tọa độ 1207015 505572, tiếp giáp với địa giới hành chính xã Nhơn Hội) dài khoảng 15,631km; xác định phạm vi vành đai biên giới từ 106m đến 868m tính từ đường biên giới trở vào, trừ khu vực cửa khẩu quốc tế Khánh Bình, có 09 vị trí biển báo vành đai biên giới.

5. Đối với khu vực xã An Phú

Đoạn biên giới từ mốc 254/2 + 130m (tọa độ 1198876 504794, tiếp giáp với địa giới hành chính xã Nhơn Hội) đến mốc 263/1 + 141m (tọa độ 1189646 509535, tiếp giáp với địa giới hành chính phường Châu Đốc) dài khoảng 16,142km; xác định phạm vi vành đai biên giới từ 150m đến 893m tính từ đường biên giới trở vào, trừ khu vực cửa khẩu Vĩnh Hội Đông, có 06 vị trí biển báo vành đai biên giới.

6. Đối với khu vực phường Châu Đốc

Đoạn biên giới từ mốc 263/1 + 141m (tọa độ 1189646 509535, tiếp giáp với địa giới hành chính xã An Phú) đến mốc 267/1 + 50m (tọa độ 1183908 508574, tiếp giáp với địa giới hành chính phường Vĩnh Tế) dài khoảng 7,027km; xác định phạm vi vành đai biên giới từ 471m đến 930m tính từ đường biên giới trở vào, có 06 vị trí biển báo vành đai biên giới.

7. Đối với khu vực phường Vĩnh Tế

Đoạn biên giới từ mốc 267/1 + 50m (tọa độ 1183908 508574, tiếp giáp với địa giới hành chính phường Châu Đốc) đến mốc 269/4 + 153m (tọa độ 1180813 502300, tiếp giáp với địa giới hành chính phường Thới Sơn) dài khoảng 7,037km; xác định phạm vi vành đai biên giới từ 751m đến 950m tính từ đường biên giới trở vào, có 06 vị trí biển báo vành đai biên giới.

8. Đối với khu vực phường Thới Sơn

Đoạn biên giới từ mốc 269/4 + 153m (tọa độ 1180813 502300, tiếp giáp với địa giới hành chính phường Vĩnh Tế) đến mốc 271/1 + 733m (tọa độ 1177412 497413, tiếp giáp với địa giới hành chính phường Tịnh Biên) dài khoảng 5,944km; xác định phạm vi vành đai biên giới từ 281m đến 776m tính từ đường biên giới trở vào, có 03 vị trí biển báo vành đai biên giới.

9. Đối với khu vực phường Tịnh Biên

Đoạn biên giới từ mốc 271/1 + 733m (tọa độ 1177412 497413, tiếp giáp với địa giới hành chính phường Thới Sơn) đến mốc 277 + 1318m (tọa độ 1166270 488776, tiếp giáp với địa giới hành chính xã Ba Chúc) dài khoảng 14,631 km; xác định phạm vi vành đai biên giới từ 607m đến 937m tính từ đường biên giới trở vào, trừ khu vực cửa khẩu quốc tế Tịnh Biên, có 15 vị trí biển báo vành đai biên giới.

10. Đối với khu vực xã Ba Chúc

Đoạn biên giới từ mốc 277 + 1318m (tọa độ 1166270 488776, tiếp giáp với địa giới hành chính phường Tịnh Biên) đến mốc 281/2 + 107m (tọa độ 1163070 483557, tiếp giáp với địa giới hành chính xã Vĩnh Gia) dài khoảng 6,460km; xác định phạm vi vành đai biên giới từ 522m đến 955m tính từ đường biên giới trở vào, có 05 vị trí biển báo vành đai biên giới.

11. Đối với khu vực xã Vĩnh Gia

Đoạn biên giới từ mốc 281/2 + 107m (tọa độ 1163070 483557, tiếp giáp với địa giới hành chính xã Ba Chúc) đến mốc 286/2 + 232m (tọa độ 1162857 475755,

tiếp giáp với địa giới hành chính xã Vĩnh Điều) dài khoảng 8,246km; xác định phạm vi vành đai biên giới từ 467m đến 896m tính từ đường biên giới trở vào, có 05 vị trí biển báo vành đai biên giới.

12. Đối với khu vực xã Vĩnh Điều

Đoạn biên giới từ mốc 286/2 + 232m (tọa độ 1162857 475755), tiếp giáp với địa giới hành chính xã Vĩnh Gia) đến mốc 293/3 + 34m (tọa độ 1165180 462709, tiếp giáp với địa giới hành chính xã Giang Thành) dài khoảng 13,384km; xác định phạm vi vành đai biên giới từ 553m đến 866m tính từ đường biên giới trở vào, có 11 vị trí biển báo vành đai biên giới.

13. Đối với khu vực xã Giang Thành

Đoạn biên giới từ mốc 293/3 + 34m (tọa độ 1165180 462709), tiếp giáp với địa giới hành chính xã Vĩnh Điều) đến mốc 305/7 + 334m (tọa độ 1154879 448535 tiếp giáp với địa giới hành chính phường Hà Tiên) dài khoảng 22,262km; xác định phạm vi vành đai biên giới từ 218m đến 869m tính từ đường biên giới trở vào, trừ khu vực cửa khẩu Giang Thành, có 16 vị trí biển báo vành đai biên giới.

14. Đối với khu vực phường Hà Tiên

Đoạn biên giới từ mốc 305/7 + 334m (tọa độ 1154879 448535, tiếp giáp với địa giới hành chính xã Giang Thành) đến mốc 314 (tọa độ 1152295 438784, là cột mốc có số thứ tự cuối cùng trên tuyến biên giới đất liền Việt Nam - Campuchia) dài khoảng 14,031km; xác định phạm vi vành đai biên giới từ 110m đến 934m tính từ đường biên giới trở vào, trừ khu vực cửa khẩu quốc tế Hà Tiên, khu du lịch núi Đá Dung, có 12 vị trí biển báo vành đai biên giới.

(Chi tiết tại Phụ lục I ban hành kèm theo)

Điều 3. Xác lập vùng cấm và vị trí cắm biển báo vùng cấm

Vùng cấm là phần lãnh thổ nằm trong khu vực biên giới đất liền được thiết lập để quản lý, bảo vệ, duy trì an ninh, trật tự, ngăn chặn các hành vi phá hoại, thu thập bí mật, được xác lập như sau:

1. Khóm Trung Bắc Hưng thuộc phường Thới Sơn: tọa độ trung tâm (1179226 529790) VN-2000, diện tích 32.175m², có 02 vị trí biển báo vùng cấm.

2. Khóm Đông Hưng thuộc phường Thới Sơn: tọa độ trung tâm (1178496 528582) VN-2000, diện tích 36.300m², có 02 vị trí biển báo vùng cấm.

3. Khóm Xuân Hòa thuộc phường Tịnh Biên: tọa độ trung tâm (1171603 494849) VN-2000, diện tích 30.119m², có 02 vị trí biển báo vùng cấm.

4. Khóm Phú Cường thuộc phường Tịnh Biên: tọa độ trung tâm (1170065 493987) VN-2000, diện tích 35.200m², có 02 vị trí biển báo vùng cấm.

(Chi tiết tại Phụ lục II ban hành kèm theo)

Điều 4. Quản lý hoạt động trong vành đai biên giới

Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh chủ trì, phối hợp với Công an tỉnh, các

sở, ban, ngành tỉnh và các cơ quan, đơn vị có liên quan quản lý hoạt động đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân Việt Nam và người nước ngoài trong vành đai biên giới theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Tổ chức cấm biển báo vành đai biên giới, vùng cấm

Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh rà soát các loại biển báo vành đai biên giới, vùng cấm theo quy định của Nghị định số 34/2014/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 299/2025/NĐ-CP và Thông tư số 43/2015/TT-BQP được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 112/2025/TT-BQP; tổ chức triển khai cấm các loại biển báo vành đai biên giới, vùng cấm.

Điều 6. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 02 tháng 11 năm 2026.

2. Quyết định này thay thế các Quyết định sau:

a) Quyết định số 25/2018/QĐ-UBND ngày 30 tháng 7 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang (trước sắp xếp) xác định chiều sâu vành đai biên giới và xác lập vùng cấm trong khu vực biên giới tỉnh An Giang.

b) Quyết định số 18/2019/QĐ-UBND ngày 12 tháng 9 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang (trước sắp xếp) xác định phạm vi vành đai biên giới trong khu vực biên giới đất liền tỉnh Kiên Giang.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường biên giới đất liền và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Cục KTVB&TCTHPL - Bộ Tư pháp;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- CT và các PCT. UBND tỉnh;
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- LĐVP, P.TH, P. NC;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Lưu: VT, bntam.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Văn Phước

Phụ lục I
XÁC ĐỊNH PHẠM VI VÀNH ĐAI BIÊN GIỚI
VÀ VỊ TRÍ CẢM BIẾN BÁO VÀNH ĐAI BIÊN GIỚI

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND ngày tháng 10 năm 2026
của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

TT	Xã, phường	Số lượng biển báo	Vị trí (tọa độ VN-2000)	Địa danh (tên gọi)	Cách biên giới	Ghi chú
1	Xã Vĩnh Xương	07	1206097 519552	Ấp Hữu Nghị	247m	
			1206153 518353	Ấp Hữu Nghị	774m	
			1206355 517786	Ấp Hữu Nghị	770m	
			1206735 517222	Ấp Hữu Nghị	668m	
			1206812 516026	Ấp Hữu Nghị	802m	
			1206809 515032	Ấp Hữu Nghị	725m	
			1206946 514379	Ấp Hữu Nghị	538m	
2	Xã Phú Hữu	03	1206734 513369	Ấp Phú Lợi	605m	
			1206322 512449	Ấp Phú Thành	830m	
			1207152 510689	Ấp Phú Thành	318m	
3	Xã Nhơn Hội	07	1207738 510244	Ấp Quốc Phú	665m	
			1205904 504902	Ấp Bắc Đại	361m	
			1205154 505090	Ấp Tắc Trúc	317m	
			1204681 504502	Ấp Tắc Trúc	233m	
			1204048 503566	Ấp Tắc Trúc	399m	
			1203095 503924	Ấp Tắc Trúc	693m	
			1201947 504179	Ấp Phú Thuận	756m	
4	Xã Khánh Bình	09	1208259 510398	Ấp Thạnh Phú	868m	
			1209658 511900	Ấp An Khánh	485m	
			1211564 512203	Ấp An Hòa	288m	
			1211330 511410	Ấp An Khánh	123m	
			1210901 510324	Ấp Tân Thạnh	169m	
			1210814 508620	Ấp Tân Khánh	122m	
			1209079 508020	Ấp Bình Di	106m	
			1208932 506724	Ấp Bình Di	120m	
			1208043 505572	Ấp Vạt Lài	170m	
5	Xã An Phú	06	1198055 505517	Ấp Phú Nghĩa	150m	
			1193588 506874	Ấp Vĩnh Hòa	209m	
			1192409 507054	Ấp Vĩnh Hòa	291m	

TT	Xã, phường	Số lượng biển báo	Vị trí (tọa độ VN-2000)	Địa danh (tên gọi)	Cách biên giới	Ghi chú
			1192510 508065	Ấp Vĩnh An	887m	
			1191742 508860	Ấp Vĩnh An	679m	
			1190124 510293	Ấp Vĩnh An	893m	
6	Phường Châu Đốc	06	1188761 510450	Khóm Vĩnh Chánh 1	471m	
			1187061 511130	Khóm Vĩnh Chánh 1	855m	
			1185945 510988	Khóm Vĩnh Chánh 2	529m	
			1185265 511494	Khóm Vĩnh Tân	930m	
			1184588 510594	Khóm Vĩnh Chánh 3	636m	
			1184048 509969	Khóm Vĩnh Chánh	798m	
7	Phường Vĩnh Tế	06	1183232 508833	Khóm Vĩnh Tây 1	919m	
			1182574 507795	Khóm Vĩnh Tây	950m	
			1182139 506742	Khóm Bà Bài	806m	
			1181510 505634	Khóm Bà Bài	795m	
			1180773 504554	Khóm Bà Bài	901m	
			1180270 503399	Khóm Bà Bài	751m	
8	Phường Thới Sơn	03	1179157 501749	Khóm Trung Bắc Hưng	776m	
			1178366 500388	Khóm Đông Hưng	766m	
			1177515 498003	Khóm Tây Hưng	281m	
9	Phường Tịnh Biên	15	1176430 497471	Khóm Phú Nhứt	937m	
			1175560 495739	Khóm Phú Nhứt	833m	
			1174769 494836	Khóm Phú Tâm	759m	
			1174135 494495	Khóm Phú Tâm	882m	
			1173668 493998	Khóm Xuân Biên	779m	

TT	Xã, phường	Số lượng biển báo	Vị trí (tọa độ VN-2000)	Địa danh (tên gọi)	Cách biên giới	Ghi chú
			1173236 493390	Khóm Xuân Biên	607m	
			1172829 493223	Khóm Xuân Hòa	731m	
			1171808 492843	Khóm Xuân Bình	802m	
			1171241 492371	Khóm Xuân Bình	697m	
			1170407 491970	Khóm Xuân Bình	661m	
			1169368 491504	Khóm Phú Cường	657m	
			1168483 491223	Khóm Phú Cường	881m	
			1167663 490568	Khóm Phú Cường	788m	
			1166658 489905	Khóm Xuân Hiệp	737m	
			1165843 489505	Khóm Xuân Hiệp	814m	
10	Xã Ba Chúc	05	1165215 488905	Ấp Vĩnh Phú	885m	
			1164910 488285	Ấp Vĩnh Phú	687m	
			1163949 486973	Ấp Vĩnh Phú	522m	
			1162302 485648	Ấp Vĩnh Hòa	926m	
			1162076 483786	Ấp Vĩnh Thuận	955m	
11	Xã Vĩnh Gia	05	1162563 482703	Ấp Vĩnh Lạc	467m	
			1162528 481985	Ấp Vĩnh Lạc	498m	
			1162140 478101	Ấp Vĩnh Hòa	896m	
			1162191 477101	Ấp Vĩnh Hòa	793m	
			1162159 476298	Ấp Vĩnh Hòa	813m	
12	Xã Vĩnh Điều	11	1162128 475597	Ấp Mẹt Lung	833m	
			1162065 474797	Ấp Mẹt Lung	866m	
			1162357 472534	Ấp Mẹt Lung	596m	
			1163023 470520	Ấp Nha Sáp	654m	
			1163335 469171	Ấp Nha Sáp	781m	
			1163494 468516	Ấp Công Cả	815m	
			1163837 467240	Ấp Công Cả	748m	

TT	Xã, phường	Số lượng biển báo	Vị trí (tọa độ VN-2000)	Địa danh (tên gọi)	Cách biên giới	Ghi chú
			1164118 465994	Ấp Cống Cả	839m	
			1164374 464831	Ấp Đồng Cừ	681m	
			1164558 463823	Ấp Đồng Cừ	553m	
			1164522 463039	Ấp Đồng Cừ	625m	
13	Xã Giang Thành	16	1164958 462476	Ấp Khánh Hòa	218m	
			1164945 461806	Ấp Khánh Hòa	264m	
			1163748 455565	Ấp Hòa Khánh	539m	
			1163633 455155	Ấp Hòa Khánh	451m	
			1162053 454927	Ấp Hòa Khánh	287m	
			1161561 454693	Ấp Hòa Khánh	234m	
			1160864 454885	Ấp Hòa Khánh	797m	
			1160557 453841	Ấp Rạch Gõ	482m	
			1159897 451890	Ấp Rạch Gõ	256m	
			1159220 452025	Ấp Rạch Gõ	417m	
			1157790 451732	Ấp Trà Phô	247m	
			1156726 451651	Ấp Trà Phô	494m	
			1156125 451790	Ấp Trà Phô	869m	
			1155148 450286	Ấp Trà Phô	264m	
			1154800 449475	Ấp Trà Phô	223m	
			1154591 448630	Ấp Trà Phô	406m	
14	Phường Hà Tiên	12	1154493 447608	Khu phố 5 Đông Hồ	119m	
			1154035 447109	Khu phố 5 Đông Hồ	128m	
			1152318 447087	Khu phố 5 Đông Hồ	934m	
			1151279 445794	Khu phố 5 Đông Hồ	207m	
			1150275 444639	Khu phố 3 Đông Hồ	117m	
			1151602 443378	Khu phố Thạch Động	510m	
			1151875 443251	Khu phố Thạch Động	582m	
			1153053 442716	Khu phố	135m	

TT	Xã, phường	Số lượng biển báo	Vị trí (tọa độ VN-2000)	Địa danh (tên gọi)	Cách biên giới	Ghi chú
				Thạch Động		
			1152938 442377	Khu phố Thạch Động	266m	
			1152196 441960	Khu phố Mỹ Lộ	930m	
			1152545 439764	Khu phố Xà Xía	110m	
			1152386 439136	Khu phố Xà Xía	129m	
	TỔNG CỘNG	111				

Phụ lục II
XÁC LẬP VÙNG CẤM VÀ VỊ TRÍ CẤM BIỂN BẢO VÙNG CẤM
(Ban hành kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND ngày tháng 10 năm 2026
của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

TT	Tên vùng cấm	Xã, phường	Vị trí trung tâm (tọa độ VN-2000)	Diện tích	Vị trí cấm biển báo (tọa độ VN-2000)	Số lượng biển báo	Ghi chú
1	Khóm Trung Bắc Hưng	Phường Thới Sơn	1179226 529790	32.175m ²	1178921 502478	02	
					1178821 502338		
2	Khóm Đông Hưng	Phường Thới Sơn	1178496 528582	36.300m ²	1178222 501353	02	
					1178059 501122		
3	Khóm Xuân Hòa	Phường Tịnh Biên	1171603 494849	30.119m ²	1171920 494832	02	
					1171286 494686		
4	Khóm Phú Cường	Phường Tịnh Biên	1170065 493987	35.200m ²	1170480 494310	02	
					1169651 493665		